

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DSST

Ngày: 10/01/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA , TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Oanh và ông Lương Công Hạnh
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Thư ký tòa án.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2022/TLST - DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2022/QĐST - DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn T, sinh năm 1956; Có mặt.
Địa chỉ: 34 đường N, phường Y, thành phố T, tỉnh Phú Yên.
- **Bị đơn:** Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1959; Vắng mặt.
Địa chỉ: 90 đường L, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày được tóm tắt như sau:*

Do quen biết nên bà Đoàn Thị L có vay ông Phạm Văn T 02 lần tổng cộng 15.000.000đ, cụ thể: ngày 14/3/2021 vay số tiền 10.000.000đ (*bà L có viết giấy mượn tiền*) và tháng 6/2021 vay số tiền 5.000.000đ, thoả thuận lãi suất 5%/tháng, trả lãi hàng tháng còn nợ gốc trả cuối năm 2021. Bà L trả tiền lãi cho ông T từ tháng 3/2021 đến tháng 8/2021 được 3.000.000đ thì không trả nữa. Do số tiền vay 5.000.000đ bà L không có viết giấy mượn tiền nên ông đã ghi thêm nội dung “*trước và sau mười lăm triệu đồng chẵn*” ở phần cuối trong giấy mượn

tiền ngày 14/3/2021 là không đúng, nên nay ông xác định bà L chỉ vay số tiền 10.000.000đ theo giấy mượn tiền ngày 14/3/2021. Từ tháng 9/2021 cho đến nay bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và cũng không trả tiền nợ gốc mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà L trả nợ gốc 10.000.000đ; không yêu cầu trả tiền lãi. Đối với tiền lãi 3.000.000đ đã nhận từ bà L thì không đề nghị xem xét nữa.

** Bị đơn bà Đoàn Thị L vắng mặt nên không trình bày.*

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

+ Về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà Đoàn Thị L trả số tiền 10.000.000đ cho ông Phạm Văn T. Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại thành phố Tuy Hòa nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn: *90 đường L, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên*. Tuy nhiên qua xác minh, bị đơn bà L bỏ địa phương đi mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết, là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa căn cứ các Điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành thụ lý giải quyết và niêm yết theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần, đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, ông T yêu cầu bà L phải trả tiền lãi từ ngày 01/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bà L trả tiền lãi nữa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Thanh.

[4] Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ giấy mượn tiền ngày 14/3/2021 do nguyên đơn cung cấp thể hiện: bà Đoàn Thị L có vay ông Phạm Văn T số tiền 10.000.000đ, không thỏa thuận lãi và không thỏa thuận thời hạn trả nợ là Hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Ông T yêu cầu nhiều lần bà L trả nợ nhưng không trả và đã bỏ địa phương đi từ tháng 12/2021. Do đó, căn cứ Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà L trả số tiền gốc 10.000.000đ cho ông Phạm Văn T.

Về tiền lãi: Giấy mượn tiền ngày 14/3/2021 không thỏa thuận lãi và nguyên đơn cũng không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn do người cao tuổi và có đơn xin miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Đoàn Thị L trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn T số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) về khoản nợ của Hợp đồng vay tài sản ngày 14/3/2021.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Đoàn Thị L phải nộp 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Phạm Văn T do người cao tuổi và có đơn xin miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Thu

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

